

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 19/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05-4-2018
V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TP HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đinh Duy Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Thôn

Bà Phạm Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Ông Lương Đăng Bùi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A: Ông Phùng Huy Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở toà án nhân dân huyện A tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 308/2017/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2017 về việc "ly hôn và tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1989. ĐKKHKT: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: Đội 4, thôn Thắng, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Ninh Quốc X, sinh năm: 1986. Trú tại: Thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên toà.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2017, và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện A chị Nguyễn Thị N trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Ninh Quốc X kết hôn với nhau năm 2010, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 02 tháng 3 năm 2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Đ, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh X mãi chơi, không quan tâm đến vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, chị N và gia đình, chính quyền địa phương đã nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ anh X, nhưng anh X không khắc phục, không thay đổi, ngược lại còn nhiều lần xúc phạm, đánh đập chị N. Từ tháng 10 năm 2017, chị N đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã G, huyện V, thành phố Hải Phòng, sinh sống vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện A giải quyết cho chị N được ly hôn anh Ninh Quốc X.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Ninh Quốc X có 01 con chung là Ninh Quốc D, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2010, ly hôn chị N yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh X phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Chị N trình bày chị và anh X tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu toà án giải quyết.

Lời khai của anh Ninh Quốc X thể hiện nội dung: Thống nhất với chị N về thời gian và điều kiện kết hôn và xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do anh X ham chơi gà chọi, ít quan tâm đến vợ con, gia đình đã hòa giải nhưng không có kết quả, từ tháng 10 năm 2017, chị N bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã G, huyện B, thành phố Hải Phòng, sinh sống, anh X nhiều lần sang đón chị N về nhưng chị N không về, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị N xin ly hôn với anh, bản thân anh X vẫn còn tình cảm với chị N, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng anh chị được đoàn tụ; về con chung, anh X thống nhất với chị N về việc vợ chồng có 01 con chung về họ tên tuổi, anh X đề nghị được nuôi con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản công nợ và các vấn đề khác anh X không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị N có đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, anh Ninh Quốc X là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, bị đơn anh Ninh Quốc X không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa ngày 23 tháng 3 năm 2018, không có lý do, là đã

không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ninh Quốc X, giao cho chị N được nuôi con chung Ninh Quốc D, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Ninh Quốc X, chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị N:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa Nguyễn Thị N kết hôn với anh Ninh Quốc X, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 02 tháng 3 năm 2010, tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện A, Hải Phòng, căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, đây xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở biên bản xác minh của Tòa án (bút lục 36,38,39,40) thấy: Trong thời gian chung sống chị N và anh X đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng tính tình không hợp, không thông cảm, tin tưởng chia sẻ với nhau, anh X mãi chơi, thiếu sự quan tâm đến vợ con, vợ chồng hay cãi nhau, dẫn đến tình trạng cuộc sống chung của vợ chồng luôn nặng nề, căng thẳng, mâu thuẫn kéo dài, mặc dù gia đình, chính quyền địa phương khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, chị N, anh X đã ly thân nhau từ tháng 10 năm 2017. Nên căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu của chị N anh X đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị N xin ly hôn X là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị N được ly hôn anh X.

[3] Về con chung: Chị N và anh X có 01 con chung là Ninh Quốc D, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2010, chị N, anh X đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét cháu D đã trên 07 tuổi, có đơn xin được ở với chị N, chị N có thu nhập ổn định khoảng 7.000.000đ (bảy triệu đồng) trên tháng, đảm bảo được điều kiện nuôi con,

anh X không cung cấp điều kiện nuôi con, nên căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu Ninh Quốc D cho chị N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh X.

[4] *Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác*: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[5] *Về án phí*: Chị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì lẽ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các Điều 19, 51, 53, 56,57 và Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- 1- Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Ninh Quốc X;
- 2- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị N được quyền nuôi dưỡng con Ninh Quốc D, sinh ngày 08 tháng 12 năm 2010, đến khi đủ 18 tuổi, hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Ninh Quốc X.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không được ai cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002749 ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án huyện A, chị N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị N, anh Ninh Quốc X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND TP Hải Phòng;
- VKS ND TP Hải Phòng;
- VKS ND huyện A;
- THA (DS);
- UBND xã Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đình Duy Việt